Số: 16/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	66M$_1$01/18	Nhà máy bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	07/05/2018 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
2	67B08/18	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	07/05/2018 9g30-9g45	
3	67M$_1$08/18	Hộ dân huyện Phú Hòa			07/05/2018 9g45-10g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
4	68M$_1$01/18	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/05/2018 8g30-8g45	
5	68M$_2$01/18	8/19 Nguyễn Huệ			07/05/2018 9g00-9g15	Nguyễn Thị Kim Trang
6	68M$_3$01/18	Khu tái định cư Núi Nhạn			07/05/2018 9g30-9g45	
7	69B01/18	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	07/05/2018 8g00-8g15	Diệp Thị Ngọc Loan
8	70B06/18	Bể chứa NMN Sông Hinh		Nguyễn Thị Dung	07/05/2018 8g00-8g15	
9	70B07/18	Bể chứa NMN Sơn Hòa			07/05/2018 10g00-10g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				$66M_101/18$	67B08/18	$67M_108/18$	$68M_101/18$
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.13	7.40	7.46	7.05
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.62	0.18	0.11	1.00
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.04	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0.04
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	9.77	16.84	16.50	10.78
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	34.84	49.92	49.40	34.84
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	8.00	KPH (LOD=1,44)	KPH (LOD=1,44)	3.70
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	92	88	95	88
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.11	0.10	0.10	0.11
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.00	8.20	8.20	8.00
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0.02	KPH (LOD=0,01)
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.32	KPH (LOD=0,14)	KPH (LOD=0,14)	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	0.53	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				$68M_201/18$	$68M_301/18$	69B01/18	70B06/18
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.08	7.13	7.14	6.92
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.94	1.42	0.87	0.20
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.04	0.08	KPH (LOD=0,02)
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	10.44	10.44	13.47	7.07
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	35.36	36.40	36.92	25.52
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.20	11.30	4.90	KPH (LOD=1,44)
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	96	100	97	42
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.10	0.11	0.10	0.04
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.00	8.20	7.80	11.60
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	0.02	0.16	KPH (LOD=0,01)
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.39	0.32	0.32	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	0.53	0.44

PYWASE	**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**	

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				70B07/18			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.50			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.12			
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	10.78			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	57.20			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH (LOD=1,44)			
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	120			
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.04			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.20			
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.26			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53			

Ghi chú: - LOD : Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2018

Lãnh Đạo Công Ty	Phòng Kỹ Thuật	Bộ Phận Kiểm nghiệm
PHÓ GIÁM ĐỐC		
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân